TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 391/2023/HNGĐ-ST	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Cầu Giấy, ngày 21 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 507/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc *"Thuận tình ly hôn"* giữa:

1/ Chị **Phạm Thị D** - Sinh năm 1987. CCCD số: 0381870xxxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/4/2022.

Địa chỉ: Số 219 Q, phường Q1, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2/ Anh **Trần Sỹ T** - Sinh năm 1985. CCCD số: 0380350xxxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Đ, xã Đ1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tình cảm: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn số xx ngày 22/6/2009 tại UBND xã Đ1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay chị D và anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T có 03 (ba) con chung là cháu Trần Trung K, sinh ngày 20/12/2009 (Giới tính: Nam); cháu Trần Phương Bảo A, sinh ngày 17/01/2017 (Giới tính: Nữ) và cháu Trần Phương Bảo A1, sinh ngày 17/01/2017 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn anh chị thỏa thuận như sau: chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A và cháu Bảo A1, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về chỗ ở mới sau ly hôn: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T tự lo chỗ ở sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T không cho ai vay nợ, không vay nợ ai. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về lệ phí ly hôn: Chị Phạm Thị D tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Trần Sỹ T nhất trí.

Ngoài ra, chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T. Giấy đăng ký kết hôn số xx ngày 22/6/2009 của UBND xã Đ1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không còn hiệu lực kể từ ngày ra quyết định này.

- Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T có 03 (ba) con chung là cháu Trần Trung K, sinh ngày 20/12/2009 (Giới tính: Nam); cháu Trần Phương Bảo A, sinh ngày 17/01/2017 (Giới tính: Nữ) và cháu Trần Phương Bảo A1, sinh ngày 17/01/2017 (Giới tính: Nữ). Giao cháu Bảo A và cháu Bảo A1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Anh Trần Sỹ T và chị Phạm Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị D, anh T và người thân trong gia đình chị D, anh T không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về chỗ ở sau ly hôn: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T tự lo nơi ở sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về nợ: Chị Phạm Thị D và anh Trần Sỹ T thừa nhận vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị D nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy (Biên lai thu số 000xxx ngày 13/11/2023) nay được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Quận Cầu Giấy;
- UBND xã Đ1,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lương